

Bản án số: 39/2023/HS-ST
Ngày 21 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc;

Ông Lê Minh Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/TLST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 đối với:

- Bị cáo Nguyễn Thị N, sinh ngày 25 tháng 09 năm 1967; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đường Vinh H và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Nguyễn Văn D và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người làm chứng:

+ Anh Phùng Ngọc H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: TDP L 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, Vĩnh Phúc.
+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, Vĩnh Phúc.
+ Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, Vĩnh Phúc.
+ Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, Vĩnh Phúc.
+ Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, Vĩnh Phúc.
+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, Vĩnh Phúc.
+ Anh Hoàng Văn H2, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Số nhà 275, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Phùng Gia N2, sinh năm 1990.
Địa chỉ: TDP L 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Vũ Văn N3, sinh năm 1992.
Địa chỉ: TDP L 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Phùng Ngọc T2, sinh năm 1987.
Địa chỉ: TDP L 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Phùng Văn B, sinh năm 1994.
Địa chỉ: phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Phạm Văn N4, sinh năm 1970.
Địa chỉ: phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Phùng Ngọc T3, sinh năm 1990.
Địa chỉ: TDP L 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Anh Phùng Văn H3, sinh năm 1991.
Địa chỉ: phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
+ Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988.
Địa chỉ: TDP L 3, phường Đ, thành phố V, Vĩnh Phúc.
+ Anh Phùng Văn Đ1, sinh năm 1973.
Địa chỉ: TDP L 3, phường Đ, thành phố V, Vĩnh Phúc.
+ Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1983.
Địa chỉ: TDP L 2, phường Đ, thành phố V, Vĩnh Phúc.
(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu năm 2013, Nguyễn Thị N xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để lao động, làm thuê tại tỉnh Q, Trung Quốc. Quá trình làm việc tại đây, N quen biết một người đàn ông Trung Quốc, tên thường gọi là A. Qua nói chuyện, A có nói với N là bạn của A có các xưởng sản xuất đồ nhựa, dây đeo đồng hồ, mũ bảo hiểm, hiện đang cần thuê công nhân làm việc nhưng không thuê được công nhân người Trung Quốc vì họ đòi lương cao và bảo N tìm người Việt Nam đưa sang Trung Quốc làm việc cho bạn của A tại các xưởng này. A nói với N là mỗi chuyến tìm được người Việt Nam đưa sang làm việc tại Trung Quốc thì sẽ cho N 500 nhân dân tệ, không kể ít hay nhiều người. N đồng ý và hỏi A là đưa người Việt Nam sang Trung Quốc bằng cách nào, A nói có quen một người phụ nữ Việt Nam tên là L, lấy chồng là người Trung Quốc, làm nghề môi giới đưa người vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc ở khu vực cửa khẩu C, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, A cho N số điện thoại của L và bảo khi nào có người cần vượt biên sang Trung Quốc thì gọi cho L, L sẽ dẫn đường và bố trí xe đưa đến chỗ làm việc ở xưởng của bạn A, chi phí hết khoảng 1.400 nhân dân tệ một người. N đồng ý và nói khi nào về Việt Nam sẽ tìm người đưa sang Trung Quốc làm việc.

Đến khoảng cuối năm 2014, đầu năm 2015, N về Việt Nam và về quê tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình ở tại quê thấy có một số người có nhu cầu tìm việc làm để có thu nhập nên N nói với họ là N có thể đưa người sang Trung Quốc lao động. Nghe N nói vậy thì có một số người đến gặp N nhờ đưa sang Trung Quốc để làm việc. N đồng ý. Trong năm 2015, N đã tổ chức 03 lần đưa người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, cụ thể như sau:

- Lần 1, ngày 26/02/2015 N tổ chức cho 08 người xuất cảnh trái phép:

Tết Nguyên đán năm 2015, N về quê tại thôn D, xã Đ, huyện Y ăn Tết. Trong thời gian này, có một số người ở thôn D, xã Đ và thôn L, phường Đ đến gặp N hỏi về việc làm bên Trung Quốc. Khi được hỏi, N đều hứa hẹn với những người này là N có quen biết nhiều xưởng sản xuất dây đeo đồng hồ, mũ bảo hộ, đồ nhựa bên Trung Quốc cần thuê người Việt Nam làm việc, công việc nhẹ Ng, nếu chịu khó làm thì sẽ được trả khoảng 10.000.000đ/tháng và N nói với mọi người là: ai muốn đi thì chỉ cần chuẩn bị khoảng 5.000.000đ làm chi phí để N sắp xếp, tổ chức vượt biên trái phép sang Trung Quốc, ngoài ra không phải làm hộ chiếu, visa, không phải cầm theo giấy tờ gì. Sau đó, có các anh Phùng Ngọc Hiền, SN 1987;

Nguyễn Văn Tuấn, SN 1985 đều ở L, phường Đ, TP V; Lưu Văn Đáng, SN 1990, Nguyễn Văn Liêm, SN 1984, Nguyễn Văn Nhất, SN 1990, Nguyễn Văn San, SN 1989, Nguyễn Văn Hoàng, SN 1995, Nguyễn Văn Cảnh, SN 1986 đều trú tại thôn D, xã Đ, huyện Y đến gặp N, nhờ N đưa sang Trung Quốc làm việc. N nói với họ về chuẩn bị, khoảng 06 sáng ngày 26/02/2015 tập trung tại ngã tư đường tránh V, đoạn đi qua thôn D, xã Đ, huyện Y để đi. Khoảng 06 ngày 26/02/2015, N đi ra ngã tư đường tránh V, đoạn đi qua thôn D, xã Đ đợi, một lúc sau thì lần lượt các anh: Phùng Ngọc Hiền, Nguyễn Văn Tuấn, Lưu Văn Đáng, Nguyễn Văn Liêm, Nguyễn Văn Nhất, Nguyễn Văn San, Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Văn Cảnh đi đến gặp N. Sau đó, N bắt xe khách nhà xe Liên Loan ở Liên Hòa, Lập Thạch cùng những người trên lên xe khách này đi đến bến xe phía Bắc tỉnh Lạng Sơn, khi lên xe thì mọi người tự trả tiền xe khách. Khi đến bến xe phía Bắc tỉnh Lạng Sơn, N gọi điện thoại cho L báo ra đón, do trước đó khoảng 01 đến 02 ngày N đã gọi điện thông báo cho L về việc đưa một số người đi sang Trung Quốc và bảo L đón. Trong thời gian chờ L ra đón, N bảo mọi người đi đến các quán nước gần đó tự đổi tiền Việt Nam sang tiền Trung Quốc, sau đó N thu của mỗi người 1.400 nhân dân tệ được tổng số 11.200 nhân dân tệ là tiền chi phí cho chuyến đi. Một lúc sau, có một người phụ nữ đi ra đón nhóm người của N, N đưa cho người phụ nữ này số tiền đã thu của những người đi cùng. Sau đó người phụ nữ này đã bố trí cho N và những người đi cùng lên một chiếc xe chở hàng, đi khoảng 30 phút thì đến khu vực đồi núi và chờ ở đây. Đến khoảng 18 giờ tối cùng ngày, người phụ nữ này tiếp tục dẫn nhóm người của N đi bộ qua đường núi để vượt biên trái phép sang Trung Quốc. N và những người đi cùng không nhớ vị trí đã xuất cảnh trái phép. Sau khi đi bộ khoảng 02 đến 03 giờ thì sang đến Trung Quốc, người phụ nữ này dẫn nhóm của N đến một đường lớn, sau đó bắt xe cho nhóm người của N đi đến bến xe Kiệt Giềng, tỉnh Q, Trung Quốc. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày hôm sau (ngày 27/02/2015), cả nhóm đi đến bến xe Kiệt Giềng, tỉnh Q thì A ra đón. Sau đó, N cùng A đưa những người này đến xưởng làm việc. Những người đi cùng được bố trí làm ở các xưởng sản xuất khác nhau tại tỉnh Q, Trung Quốc.

- Lần 2, ngày 02/3/2015 N tổ chức cho 10 người xuất cảnh trái phép:

Sau khi N đưa nhóm người lần 01 sang Trung Quốc được vài ngày thì có các anh: Hoàng Văn Hòa, SN 1987, trú tại phường T, TP V; Phùng Gia Nam, SN 1990, Vũ Văn Nam, SN 1992, Phùng Ngọc Tuấn, SN 1987, Phùng Văn Bắc, SN 1994, Phạm Văn Ninh, SN 1970, Phùng Ngọc Tuyền, SN 1990, Phùng Văn Hoàn, SN 1991 đều trú tại phường Đ, TP V gọi điện thoại liên hệ với N, nhờ N sắp xếp đưa họ sang Trung Quốc tìm việc làm cho họ, N đều đồng ý và nói với những

người này là N có quen biết nhiều xưởng bên Trung Quốc cần thuê người Việt Nam làm việc, công việc nhẹ Ng, được trả lương cao. Ai muốn đi thì chỉ cần chuẩn bị khoảng 5.000.000đ làm chi phí để N sắp xếp, tổ chức vượt biên trái phép sang Trung Quốc, ngoài ra không phải làm hộ chiếu, visa, không phải mang theo giấy tờ gì và nói với họ cứ chuẩn bị, hôm nào đi N sẽ gọi điện thoại thông báo. Sau đó, N gọi điện thoại cho họ thông báo ngày 02/3/2015 thì đi và dặn những người này khoảng 06 giờ sáng ngày 02/3/2015 đi ra khu vực ngã tư đường tránh V, đoạn qua thôn D, xã Đ, huyện Y để bắt xe khách lên bến xe tỉnh Lạng Sơn sẽ có người đón và đưa họ sang Trung Quốc đi đến chỗ N để N sắp xếp công việc cho họ. Ngoài ra, do thấy Nguyễn Thị Vinh, SN 1988, trú tại L 3, phường Đ (là con gái N) và Nguyễn Xuân T, SN 1990, trú tại thôn D, xã Đ (là con trai N) đều không có việc làm ổn định nên N gọi điện thoại cho Vinh, Thành và bảo Vinh, Thành sang Trung Quốc làm cùng N. N nói với Thành, Vinh là sẽ lo mọi chi phí cho Thành, Vinh, khi đi chỉ cần cầm theo quần áo, không cần phải cầm theo giấy tờ gì. N bảo Vinh, Thành ngày 02/3/2015 đi ra ngã tư đường tránh V đoạn đi qua thôn D, Đ để bắt xe khách lên bến xe tỉnh Lạng Sơn cùng mọi người, khi nào lên đến nơi gọi cho N, N sẽ liên hệ người ra đón. Sau đó, N gọi điện thoại cho “L” để thông báo ngày 02/3/2015 sẽ có nhóm người của N lên Lạng Sơn để L sắp xếp đưa họ vượt biên trái phép sang Trung Quốc.

Khoảng 06 giờ sáng ngày 02/3/2015, Vinh, Thành cùng các anh Hòa, Phùng Gia Nam, Vũ Văn Nam, Tuấn, Bắc, Ninh, Tuyển, Hoàn đi ra ngã tư đường tránh V đoạn đi qua thôn D, xã Đ như N đã dặn sau đó bắt xe khách xuất phát từ Vĩnh Phúc đi lên bến xe phía Bắc tỉnh Lạng Sơn. Trên đường đi thì mọi người tự trả tiền xe của mình. Đến khoảng 14 giờ00 cùng ngày, nhóm người này đi đến bến xe phía Bắc tỉnh Lạng Sơn. Sau khi xuống xe, Thành gọi điện thoại cho N để thông báo đã đi đến bến xe phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn. Nhận được điện thoại của Thành, N gọi cho L để bảo L ra đón nhóm của Thành. Một lúc sau có một người phụ nữ đi ra đón nhóm của Thành và bảo những người trong nhóm của Thành đi ra các quán nước ở bến xe đối diện Việt Nam sang tiền Trung Quốc, sau đó đưa lại cho người phụ nữ này. Thành, Vinh đã được N dặn là đã lo mọi chi phí nên không phải đưa khoản tiền gì cho người phụ nữ này. Phùng Ngọc Tuyển thỏa thuận trước với N là khi làm được tháng lương đầu tiên mới thanh toán chi phí xuất cảnh trái phép cho N nên cũng không đưa khoản tiền gì cho người phụ nữ này, những người còn lại mỗi người phải đưa cho người phụ nữ này số tiền là 1400 nhân dân tệ. Sau đó, người phụ nữ này sắp xếp cho 10 người nêu trên lên một xe chở hàng, đi khoảng 30 phút thì xe đi đến khu vực đồi núi và nghỉ ngơi tại đây, những người này không nhớ vị

trí cụ thể. Đến chiều tối cùng ngày, người phụ nữ này tiếp tục dẫn nhóm người này đi qua đường núi để vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau khi đi bộ khoảng 02 đến 03 giờ thì đi sang đến Trung Quốc, người phụ nữ này dẫn nhóm của Thành đến một đường lớn. Sau đó bắt xe cho nhóm người của Thành đi đến bến xe Kiệt Giềng, tỉnh Q, Trung Quốc. Đến sáng ngày hôm sau thì đi đến bến xe Kiệt Giềng, tỉnh Q, sau khi xuống xe thì N cùng A ra đón những người này và đưa họ đến làm việc tại các xưởng sản xuất khác nhau. Đối với chi phí xuất cảnh trái phép của Vinh, Thành là 2800 nhân dân tệ, N đã đưa cho A để A đưa cho “L”; ngoài ra, sau khi Phùng Ngọc Tuyền nhận tháng lương đầu tiên, N đến thu của Tuyền 1400 nhân dân tệ và đưa cho A để A đưa cho L.

Lần 3, ngày 21/3/2015 N tổ chức cho 02 người xuất cảnh trái phép:

Vào khoảng giữa tháng 3/2015, lúc này N đang ở Q, Trung Quốc thì có Phùng Văn Đô, SN 1973 và Nguyễn Văn Yên, SN 1983 đều ở L, phường Đ, TP V gọi điện thoại cho N, nhờ N đưa sang Trung Quốc tìm việc làm. Sau khi nghe điện thoại, N nói với Yên, Đô là N có quen biết nhiều xưởng bên Trung Quốc cần thuê người Việt Nam làm việc, công việc nhẹ Ng, được trả lương cao. Nếu muốn đi thì chỉ cần chuẩn bị khoảng 5.000.000đ làm chi phí để N sắp xếp, tổ chức vượt biên trái phép sang Trung Quốc, ngoài ra không phải làm hộ chiếu, visa, không phải cầm theo giấy tờ gì và nói khi nào đi thì điện trước cho N. Sau đó, Yên và Đô gọi điện thoại cho N nói ngày 21/3/2015 sẽ đi, N dặn Yên, Đô đi đôi lấy 1400 nhân dân tệ để làm chi phí xuất cảnh trái phép và bảo Yên, Đô sáng ngày 21/3/2015 bắt xe khách lên bến xe phía Bắc tỉnh Lạng Sơn sau đó gọi cho N, N sẽ liên hệ người ra đón, đồng thời N cũng gọi điện cho “L” để thông báo ngày 21/3/2015 sẽ có người của N lên bến xe phía Bắc tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 06h 00’ ngày 21/3/2015, Yên, Đô tự bắt xe khách từ Vĩnh Phúc đi lên bến xe phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn. Khi đi đến bến xe phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn là khoảng 12h00’ cùng ngày. Sau khi xuống xe, Yên gọi điện thoại cho N bảo đã đi lên đến bến xe và miêu tả đặc điểm quán nước đang ngồi cho N nắm được. Sau đó, N gọi điện thoại cho “L” và bảo “L” ra đón Yên, Đô. Một lúc sau có một người phụ nữ đi đến chỗ Yên, Đô hỏi có phải đi theo đường dây của N không, Yên và Đô trả lời là: *đúng*, thì người phụ nữ này bảo Yên, Đô đi theo ra đến đường lớn. Sau đó, người phụ nữ này đã sắp xếp đưa Yên, Đô lên xe chở hàng, đi khoảng 30 phút thì đến khu vực đồi núi giáp biên giới Trung Quốc. Đến chiều tối cùng ngày, người phụ nữ này tiếp tục dẫn Yên, Đô đi đường núi vượt biên trái phép sang Trung Quốc và bắt xe cho Yên, Đô đi đến chỗ N. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày hôm sau thì đi đến bến xe Kiệt Giềng ở tỉnh Q, Trung Quốc thì N và A đi ra bến xe đón và đưa họ đến làm việc tại xưởng sản xuất.

Mỗi chuyến N đưa người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm tại xưởng của A, N được A cho số tiền 500 nhân dân tệ, tổng cộng N được hưởng lợi số tiền là 1.500 nhân dân tệ, thời điểm đó là khoảng 5.250.000 đồng tiền Việt Nam. Ngoài ra, A bảo N mỗi tháng thu của những người N đưa sang 100 nhân dân tệ để làm chi phí mua thuốc men và công môi giới việc làm. Số tiền này N thu sau đó đưa cho A. N không được hưởng lợi gì từ việc này.

Do công việc vất vả, lương thấp nên những người được N tổ chức cho trốn đi nước ngoài trái phép nói với N bố trí để đưa họ nhập cảnh về Việt Nam. N bảo chi phí để về Việt Nam mỗi người đưa cho N khoảng 500 đến 1000 nhân dân tệ tùy từng thời điểm giá xe lên xuống. Sau đó, N đưa những người này ra bến xe Kiết Giềng, bắt xe cho họ về biên giới Trung Quốc- Việt Nam, sau đó những người này tự liên hệ và được những người lái đò (là người Việt Nam, không biết rõ là ai) chèo về Việt Nam bằng đường sông ở khu vực Ka Long, Móng Cái, Quảng Ninh. Sau đó, từ khoảng tháng 5/2015 đến tháng 12/2015, lần lượt các anh Phùng Ngọc Hiên, Nguyễn Văn Tuấn, Lưu Văn Đáng, Nguyễn Văn Liêm, Nguyễn Văn Nhất, Nguyễn Văn San, Nguyễn Văn Hoàng, Hoàng Văn Hòa, Phùng Gia Nam, Vũ Văn Nam, Phùng Ngọc Tuấn, Phùng Văn Bắc, Phạm Văn Ninh, Phùng Ngọc Tuyền, Phùng Văn Hoàn, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Cảnh, Phùng Văn Đô, và Nguyễn Văn Yên được N bố trí đưa về Việt Nam qua cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đối với các đối tượng là “A”, “L” là những người tham gia tổ chức cho các công dân trên xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Kết quả điều tra xác định: Do N chỉ biết tên của họ là “A” và “L” ngoài ra không biết thông tin gì về nhân thân, địa chỉ của những người này. Do đó, mặc dù Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không làm rõ được nhân thân, địa chỉ của A và L; việc Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau đối với A và L.

- Đối với các trường hợp công dân Việt Nam trong 03 chuyến xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc là: Vũ Văn Nam, Phùng Ngọc Hiên, Hoàng Văn Hòa, Phùng Gia Nam, Phùng Văn Đô, Nguyễn Văn Yên, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ tài liệu liên quan đến cơ quan chức năng có thẩm quyền ra quyết định xử phạt Vi phạm hành chính theo quy định pháp luật vào năm 2015. Đối với các trường hợp còn lại gồm: Phùng Ngọc Tuấn, Phùng Văn Bắc, Phạm Văn Ninh, Phùng Ngọc Tuyền, Phùng Văn Hoàn, Nguyễn Văn Tuấn, Lưu Văn Đáng, Nguyễn Văn Liêm, Nguyễn Văn Nhất, Nguyễn Văn San, Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Văn Cảnh, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Xuân T do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh. Do đó, Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi

chính quyền địa phương có biện pháp giáo dục, răn đe những người này, không để các trường hợp này tái phạm.

Ngày 07/02/2023, anh Nguyễn Xuân T (con trai bị cáo N) đã tự nguyện nộp thay N số tiền 5.250.000đ thu lợi bất chính từ việc đưa người khác trốn đi nước ngoài trái phép.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các anh Phùng Ngọc Hiển, Nguyễn Văn Tuấn, Lưu Văn Đáng, Nguyễn Văn Liêm, Nguyễn Văn Nhất, Nguyễn Văn San, Nguyễn Văn Hoàng, Hoàng Văn Hòa, Phùng Gia Nam, Vũ Văn Nam, Phùng Ngọc Tuấn, Phùng Văn Bắc, Phạm Văn Ninh, Phùng Ngọc Tuyền, Phùng Văn Hoàn, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Cảnh, Phùng Văn Đô, và Nguyễn Văn Yên đều không yêu cầu N phải bồi thường gì.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị N thành khẩn khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKS-P2 ngày 01/03/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Nguyễn Thị N tội: “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Thị N từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam. Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền N thu lợi bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng,

những người tiền hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiền hành tố tụng, những người tiền hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Thị N đều thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Thị N xuất cảnh trái phép sang tỉnh Q, Trung Quốc để làm việc nên N biết tại Trung Quốc có nhiều cơ sở sản xuất thiếu lao động. Một người đàn ông Trung Quốc tên là A bảo N đưa người Việt Nam sang Trung Quốc để làm thuê thì A sẽ cho N tiền. Do đó, N đã giới thiệu, rủ rê và tổ chức 03 chuyến cho 20 người (trong đó: 13 người ở phường Đ, TP V, 07 người ở xã Đ, huyện Y) vượt biên trốn sang Trung Quốc lao động làm thuê. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 26/02/2015, N đã trực tiếp tổ chức đưa 08 người Việt Nam trốn sang Trung Quốc trái phép qua biên giới tỉnh Lạng Sơn gồm: Phùng Ngọc Hiền, Nguyễn Văn Tuấn, Lưu Văn Đáng, Nguyễn Văn Liêm, Nguyễn Văn Nhất, Nguyễn Văn San, Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Văn Cảnh.

Lần 2: Ngày 02/3/2015, N đã tổ chức đưa 10 người Việt Nam trốn sang Trung Quốc trái phép qua biên giới tỉnh Lạng Sơn gồm: Hoàng Văn Hòa, Phùng Gia Nam, Vũ Văn Nam, Phùng Ngọc Tuấn, Phùng Văn Bắc, Phạm Văn Ninh, Phùng Ngọc Tuyền, Phùng Văn Hoàn, Nguyễn Thị Vinh và Nguyễn Xuân T.

Lần 3: Ngày 21/3/2015, N đã tổ chức đưa 02 người Việt Nam trốn sang Trung Quốc trái phép qua biên giới tỉnh Lạng Sơn gồm: Phùng Văn Đô và Nguyễn Văn Yên.

Sau khi ở lại Trung Quốc một thời gian để làm thuê thì 20 người nói trên đã trở về Việt Nam.

Hành vi nhiều lần tổ chức cho 20 người trốn đi nước ngoài trái phép như đã nêu trên của Nguyễn Thị N đã phạm vào tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép” quy định tại khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tổ chức, ... người khác trốn đi nước ngoài ... trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 91 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội nhiều lần ..., thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm.”

Bản cáo trạng số 34/CT-VKS-P2 ngày 01/03/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Nguyễn Thị N theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp qui định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý hành chính của Nhà nước; ảnh hưởng quan hệ ngoại giao với nước láng giềng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo đầu thú, có bố chồng Nguyễn Văn Du là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất. Do đó, N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép, N thu lợi bất chính được số tiền 5.250.000đ. Quá trình điều tra vụ án, ngày 07/02/2023 anh Nguyễn Xuân T (là con bị cáo N) đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo N số tiền 5.250.000đ. Nay cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền này. Tại phiên tòa, anh Thành không đề nghị bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả lại anh số tiền nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quá trình điều tra các anh: Phùng Ngọc Hiền, Nguyễn Văn Tuấn, Lưu Văn Đáng, Nguyễn Văn Liêm, Nguyễn Văn Nhất, Nguyễn Văn San, Nguyễn Văn Hoàng, Hoàng Văn Hòa, Phùng Gia Nam, Vũ Văn Nam, Phùng Ngọc Tuấn, Phùng Văn Bắc, Phạm Văn Ninh, Phùng Ngọc Tuyền, Phùng Văn Hoàn, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn Cảnh, Phùng Văn Đô, và Nguyễn Văn Yên đều không yêu cầu N phải bồi thường gì, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với các đối tượng là “A”, “L” là những người tham gia tổ chức cho các công dân trên trốn trái phép sang Trung Quốc. Kết quả điều tra xác định: Do N chỉ biết tên của họ là “A” và “L” ngoài ra không biết thông tin gì về nhân thân, địa chỉ của những người này. Do đó, mặc dù Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không làm rõ được nhân thân, địa chỉ của “A” và “L”; việc Cơ quan điều tra

tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau đối với “A” và “L” là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt: Căn cứ vào khoản 2 điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Thị N 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 17/10/2022.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu số tiền 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do bị cáo thu lợi bất chính mà có để sung ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/4/2023 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục thi hành án dân sự Vĩnh Phúc)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành